

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2023/HCST
Ngày 23-11-2023
V/v “Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành
chính về lĩnh vực quản lý đất
đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tri

Ông Phạm Ngọc Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2023/TLST-HC ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Viét M, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Doãn Bá P, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Như N - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện N; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị S, Công chức địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã T. Có mặt.

2. Văn phòng Đ1; địa chỉ: Số I H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C - Phó Giám đốc Văn phòng Đ1. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Trần Thị M1, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Doãn Bá P trình bày:

Năm 2021, ông Lê Việt M lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m² (Cơ sở dữ liệu), địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hồ sơ của ông M đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N không giải quyết. Do thời gian kéo dài dẫn đến gia đình ông M gặp nhiều khó khăn, do đó, UBND huyện N phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông M các khoản sau:

- Tiền công: 8 công x 250.000 đồng/công = 2.000.000 đồng (không có chứng từ)

- Tiền xăng: 8 chuyến x 20.000 đồng/chuyến = 160.000 đồng (không có chứng từ)

- Tạm ứng án phí: 300.000 đồng

- Tổn thất tinh thần: 15.000.000 đồng (không có chứng từ)

- Mất cơ hội vay vốn kinh doanh, cơ hội giá đất tăng: 12.540.000 đồng (không có chứng từ)

Tổng cộng: 30.000.000 đồng.

Do đó, ông Lê Việt M khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Huỷ Phiếu chuyển trả hồ sơ số 48/PCT-TNMT ngày 07/4/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho ông Lê Viết M và bà Trần Thị M1 theo đúng quy định của pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường thiệt hại cho ông Lê Viết M với số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) do hành vi chậm trễ đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Viết M.

Tại phiên tòa, người khởi kiện bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện “*buộc UBND huyện N tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Viết M*” và rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường thiệt hại cho ông Lê Viết M với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) do hành vi chậm trễ đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Viết M*”.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện N trình bày:

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N tiếp nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất) của ông Lê Viết M và bà Trần Thị M1 tại thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m², loại đất trồng cây lâu năm tại thôn L, xã T, huyện N.

Qua kiểm tra, do hồ sơ xin cấp Giấy CNQSD đất của ông Lê Viết M không đảm bảo điều kiện để trình ký cấp Giấy CNQSD đất nên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N đã chuyển trả hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng Đ2 theo Phiếu chuyển trả số 48/PCT-TNMT ngày 07/4/2023. Đến ngày 25/4/2023, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện N đã trả hồ sơ cho ông Lê Viết M (ủy quyền cho ông Lê Ngọc Đ nhận hồ sơ).

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét không chấp nhận các nội dung khởi kiện của ông Lê Viết M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M1 trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Viết M, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng thủ tục phiên tòa, hỏi các đương sự và xác định rõ nội dung vụ án. Người tham gia tố tụng cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án đầy đủ, tham gia phiên tòa đúng theo giấy triệu tập của Tòa án. Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các đương sự tranh luận tại phiên tòa để làm rõ nội dung vụ án.

Về nội dung:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 143, Điều 165, Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường thiệt hại cho ông Lê Viết M với số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) do hành vi chậm trễ đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Viết M.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Viết M đối với yêu cầu:

- Huỷ Phiếu chuyển trả hồ sơ số 48/PCT-TNMT ngày 07/4/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N tiếp nhận hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho ông Lê Viết M và bà Trần Thị M1 theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ Phiếu chuyển trả hồ sơ số 48/PCT-TNMT ngày 07/4/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho ông Lê Viết M và bà Trần Thị M1 theo đúng quy định của pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường thiệt hại cho ông Lê Viết M với số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) do hành vi chậm trễ đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Viết M.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện “*buộc UBND huyện N tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Viết M*” và rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường thiệt hại cho ông Lê Viết M với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) do hành vi chậm trễ đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Viết M*”

Xét thấy việc bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét chấp nhận. Đối với việc rút một phần yêu

cầu khởi kiện của người khởi kiện là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút của người khởi kiện.

[1.2] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 13/12/2021, ông Lê viết M2 nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30 tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện N theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số 1102/BPTNTKQ ngày 13/12/2021, đến ngày 25/4/2022 UBND huyện N chuyển trả hồ sơ cho ông M2. Ngày 23/3/2023, ông Lê Viết M có đơn khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND huyện N tại Tòa án; căn cứ Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, ông M có quyền khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của ông M còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật.

[1.3] Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” theo đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Về quá trình kê khai, đăng ký đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30 tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam:

- Theo hồ sơ kê khai theo Chỉ thị 299/TTg tại xã T thể hiện: Vị trí xin cấp Giấy chứng nhận (thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30) không có tên ông Lê Viết M và bà Trần Thị M1.

- Theo hồ sơ 64/CP tại xã T thể hiện: Phần diện tích đất ông Lê Viết M xin cấp Giấy chứng nhận thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 6, loại đất Cát, diện tích 420.800m², ông Lê Viết M và bà Trần Thị M1 không có tên trong Sổ mục kê, Sổ đăng ký.

- Theo hồ sơ Cơ sở dữ liệu tại xã T thể hiện: Vị trí xin cấp Giấy chứng nhận (thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30) thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 30, diện tích 24.458,2m², loại đất RPT, người sử dụng đất: UBND xã T.

- Theo Sổ địa chính đất lâm nghiệp tỉ lệ 1/10.000 xã T tại Quyền D, T số 85 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 14/12/2011 thể hiện, ông Lê Viết M đứng tên chủ sử dụng đất tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.334m², loại đất rừng phòng hộ.

Ngày 17/4/2008 và ngày 28/11/2008, ông Lê Viết M có Đơn xin giao đất lâm nghiệp và Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 1.334m², thửa đất số 219, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng đất: đất rừng phòng hộ (đúng với hồ sơ kê khai, đăng ký theo Cơ sở dữ liệu). Sau khi hồ sơ được thẩm định đủ điều kiện, UBND huyện N đã in phôi Giấy CNQSD đất số BC

833759, số vào sổ CH 00278, ông Lê Viết M đứng tên chủ sử dụng đất tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.334m², loại đất rừng phòng hộ. Tuy nhiên không được UBND huyện ký Giấy CNQSD đất.

Ngày 13/12/2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N tiếp nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Viết M lập đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích: 1.375,7m² (Cơ sở dữ liệu), mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam từ Chi nhánh Văn phòng Đ2 để thẩm định hồ sơ, trình UBND huyện N ký cấp Giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật. Qua kiểm tra, do hồ sơ xin cấp Giấy CNQSD đất của ông Lê Viết M không đảm bảo điều kiện để trình ký cấp Giấy CNQSD đất nên Phòng T đã chuyển trả hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng Đ2 theo Phiếu chuyển trả số 48/PCT-TNMT ngày 07/4/2023.

Tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư của UBND xã T ngày 29/6/2021 và Giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã T thể hiện: Hộ gia đình ông Lê Viết M tự khai phá trồng cây lâu năm từ năm 1995 tại thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, sử dụng ổn định liên tục đến nay, không tranh chấp. Hiện nay, trên thửa đất đang trồng cây keo và cây dương liễu.

Tại Giấy xác nhận trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp ngày 24/6/2021, UBND xã T xác nhận hộ ông Lê Viết M đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp tại thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, xã T, huyện N, thửa đất số 423 nêu trên không thuộc quỹ đất công ích do UBND xã quản lý.

Ngày 25/10/2021, UBND xã T ban hành Thông báo số 152/TB-UBND niêm yết và ngày 08/11/2021, UBND xã T ban hành Thông báo số 163/TB-UBND kết thúc niêm yết hồ sơ xin đăng ký cấp Giấy CNQSD đất và đăng ký biến động đất đai, trong đó có trường hợp của ông Lê Viết M đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30 nêu trên.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận, ngày 13/12/2021 Chi nhánh Văn phòng Đ2 đã đo đạc và chỉnh lý theo hồ sơ Cơ sở dữ liệu thành thửa đất số thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m², loại đất trồng cây lâu năm. Vị trí xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay tại thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m² là vị trí thửa đất số 219, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.334m², loại đất rừng phòng hộ mà ông Lê Viết M đăng ký trong Sổ Địa chính đất lâm nghiệp cũng như có Đơn xin giao đất lâm nghiệp, đơn xin cấp Giấy CNQSD đất với loại đất rừng phòng hộ năm 2008.

Thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375.7m² trước đây theo Quyết định số 48/2007/QĐ-UBND ngày 30/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q được quy hoạch là đất rừng phòng hộ, do đó 2008 ông M lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với loại đất xin cấp là đất rừng phòng hộ nhưng chưa được

cấp. Hiện nay, theo Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Q về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch về bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2020, thì thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m² tại thôn L xã T không thuộc khu vực quy hoạch đất rừng phòng hộ (Theo Công văn số 1819/UBND-TNMT ngày 29/8/2023 của UBND huyện N).

Tại Biên bản đối thoại ngày 04/8/2023, đại diện Ủy ban nhân dân xã T trình bày: Thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m² trước đây theo Quyết định số 48/2007/QĐ-UBND ngày 30/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q được quy hoạch là đất rừng phòng hộ, do đó năm 2008 ông M lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với loại đất xin cấp là đất rừng phòng hộ nhưng chưa được cấp. Đến năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 120/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 đưa diện tích đất của khu vực này ra khỏi đất rừng phòng hộ. Đến năm 2021, ông M làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với loại đất trồng cây lâu năm là phù hợp với hiện trạng sử dụng và đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, tại địa phương một số thửa đất lân cận có mục đích sử dụng giống với thửa đất của ông M đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với loại đất trồng cây lâu năm.

Như vậy, có cơ sở xác định hộ ông Lê Viết M đủ điều kiện để được cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m² xã T, huyện N, loại đất: đất trồng cây lâu năm, có nguồn gốc tự khai hoang trồng cây lâu năm từ năm 1995, sử dụng ổn định liên tục đến nay, không có tranh chấp; được UBND xã T xác nhận hộ ông Lê Viết M đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp, phù hợp với hiện trạng sử dụng và đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật đất đai.

Đồng thời, trường hợp tương tự như hộ ông M có hộ bà Trần Thị Thanh L đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu với loại đất được cấp là đất trồng cây lâu năm.

Do vậy, ông M khởi kiện yêu cầu hủy Phiếu chuyển trả hồ sơ số 48/PCT-TNMT ngày 07/4/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N và buộc Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho ông Lê Viết M và bà Trần Thị M1 theo đúng quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho người khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường thiệt hại cho ông Lê Viết M với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) do hành vi chậm trễ đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Viết M.

[2] Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Viết M:

- Huỷ Phiếu chuyển trả hồ sơ số 48/PCT-TNMT ngày 07/4/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N tiếp nhận hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.375,7m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho ông Lê Viết M và bà Trần Thị M1 theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: UBND huyện N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho ông Lê Viết M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000425 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (tho địa chỉ);
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Anh Đào